

Bản án số: 208/2020/DS-PT

Ngày: 30/03/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mai Xuân.

*Các Thẩm phán:*

1-Bà Mai Thị Thanh Tú.

2-Bà Đỗ Thanh Hương.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Yên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 590/2019/TLPT-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án số 289/2019/DS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1177/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 03 năm 2020, giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn:* Ông Bành Năng D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Phường N, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; Địa chỉ: huyện Nông C, tỉnh Thanh H là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/4/2018). (có mặt)

*2.Bị đơn:* Bà Trương Mỹ L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Phường M, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: Phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số ngày 28/5/2019).(có mặt)

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Văn Cẩm H, sinh năm: 1980 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*4. Người làm chứng:*

Bà Trương Mỹ P, sinh năm: 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*-Người kháng cáo:* Bà Trương Mỹ L – Bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bành Năng D có bà Nguyễn Thị Nguyên là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 14/10/2017 ông D có cho bà Trương Mỹ L vay số tiền 600.000.000 đồng. Ngày 11/11/2017 ông D cho bà L vay tiếp số tiền 300.000.000 đồng. Việc vay mượn chỉ ghi giấy tay không công chứng, chứng cứ thực. Bà L không thể chấp tài sản. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, không ghi thời hạn trả nợ vay. Hai bên thỏa thuận nếu ông D muốn lấy lại tiền cho vay phải báo trước cho bà L thời hạn 30 ngày. Trong hai giấy vay tiền đều không ghi việc trả tiền lãi nhưng ông D và bà L có thỏa thuận bằng lời nói về việc trả lãi với lãi suất là 4%/tháng đối với số tiền vay là 600.000.000 đồng và 5%/tháng đối với số tiền vay là 300.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà L đã trả cho ông D số tiền lãi là 112.000.000 đồng. Bà L thanh toán lãi đến ngày 10/02/2018 ngưng không trả tiếp. Ngày 05/03/2018 ông D có làm thông báo yêu cầu bà L thanh toán nợ trong thời hạn 30 ngày nhưng phía bà L không trả.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L trả số nợ còn thiếu là 1.224.770.000 đồng (trong đó nợ gốc 900.000.000 đồng và tiền lãi 324.770.000 đồng), tiền lãi ông yêu cầu cụ thể như sau: lãi trong hạn là 1.65%/tháng tính từ tháng 10/2017 đến ngày 31/7/2018 là 136.800.000 đồng, lãi quá hạn là 2.5%/tháng tính từ 01/8/2018 đến 11/9/2019 là 299.970.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi bà L đã trả, tiền lãi còn lại là 324.770.000 đồng. Ông yêu cầu bà L trả một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; không đồng ý với đề nghị được trả dần số nợ trên trong thời gian 2 năm của bà L.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Trương Mỹ L do bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà L xác nhận có vay tiền của ông D hai lần, với tổng số tiền vay là

900.000.000 đồng. Việc vay mượn hai bên chỉ ghi giấy tay và không công chứng. Bà không thừa nhận 02 giấy vay tiền ngày 14/10/2017 và 11/11/2017 ông D đã cung cấp cho Tòa. Việc bà vay tiền của ông D là vào tháng 06/2017 và tháng 10/2017 được thể hiện trên cùng một tờ giấy, có thỏa thuận việc trả lãi của từng lần vay với lãi suất là 2%/tháng đối với số tiền vay là 600.000.000 đồng và 5%/tháng đối với số tiền vay là 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà đã trả tiền lãi với mức lãi suất là 4%/tháng đối với số tiền vay 600.000.000 đồng và 5%/tháng đối với số tiền vay 300.000.000 đồng. Tiền lãi bà L đã trả cho ông D từ tháng 6/2017 đến ngày 10/02/2018 là 231.000.000 đồng. Bà L yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả theo quy định pháp luật. Bà đồng ý trả số tiền 1.024.000.000 đồng gồm nợ gốc 900.000.000 đồng và tiền lãi 124.000.000 đồng; yêu cầu được trả dần số nợ này trong thời hạn 02 năm.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Văn Cẩm H trình bày:* Bà là vợ của ông D, bà thống nhất với lời trình bày của ông D về việc cho bà L vay mượn số tiền 900.000.000 đồng. Bà xác nhận số tiền ông D cho bà L vay là tiền riêng của ông D nhưng bà là người nhận tiền lãi do bà L trả, số tiền lãi đã nhận là 112.000.000 đồng. Bà không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông D, đề nghị Tòa giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật. Bà có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại Tòa.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người làm chứng bà Trương Mỹ P trình bày:*

Bà là chị ruột của bà L và là chị vợ của ông D, bà xác nhận có ký vào phần người làm chứng trên giấy vay tiền cho khoản vay 300.000.000 đồng và có chứng kiến việc ông D đưa cho bà L số tiền 300.000.000 đồng. Bà xác định giấy vay tiền mà bà ký vào phần người làm chứng giống với giấy vay tiền mà bà L trình bày. Bà Phụng cam kết lời trình bày trên là đúng sự thật.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người làm chứng ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Ông xác nhận có ký tên vào phần người làm chứng của giấy vay tiền ngày 14/10/2017. Ông chỉ chứng kiến việc các bên ghi và ký vào giấy vay tiền, không có chứng kiến việc các bên giao nhận tiền. Ông T cam kết lời trình bày của mình là đúng sự thật.

Tại Bản án số 289/2019/DS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bành Năng D.

Buộc bà Trương Mỹ L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Bành Năng D số tiền: 1.224.770.000 (một tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi ngàn) đồng (trong đó tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi là 324.770.000 đồng).

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Mỹ L phải chịu án phí là 48.743.100 đồng.

Hoàn lại cho ông D số tiền 19.500.000 đồng theo biên lai thu số 0014738 ngày 23/5/2018 và số tiền 3.702.000 đồng theo biên lai thu số 0019399 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/9/2019, bà Trương Mỹ L nộp đơn kháng cáo để kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

-Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Trương Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà L.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Từ khi thụ lý vụ án đến thời xét xử hôm nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án.

Về kháng cáo: Đơn kháng cáo đã nộp trong thời hạn luật định và hợp lệ. Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu là 1.224.770.000 đồng (trong đó nợ gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi là 324.770.000 đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ đơn khởi kiện, giấy vay tiền, chứng cứ thu thập và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa. Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 5, Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Ngày 11/9/2019, Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên Bản án số 289/2019/DS-ST. Ngày 18/9/2019, bị đơn nộp đơn kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo thông báo của Tòa án. Căn cứ Điều 272, khoản 1 Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định và hợp lệ.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Trương Mỹ L có nộp giấy ủy quyền đối với bà Nguyễn Thị Thoa, không đồng ý bà Thoa là đại diện hợp pháp cho bà L. Bà Văn Cẩm H tiếp tục nộp đơn xin xét xử vắng mặt. Điều này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Căn cứ các giấy vay tiền lập 14/10/2017 với số tiền vay là 600.000.000 đồng; Giấy vay tiền lập ngày 11/11/2017 với số tiền vay là 300.000.000 đồng giữa ông D với bà L.

Căn cứ nội dung của các kết luận giám định số 3190/C09B ngày 26/9/2018; Số 3190/C09B ngày 19/10/2018; Số 510/C09B ngày 22/01/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà L và ông D có xác lập giao dịch vay tiền, bà L thừa nhận còn nợ ông D số tiền 900.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà L không thừa nhận hai giấy vay tiền do ông D cung cấp, với lý do mốc thời gian xác lập giao dịch vay tiền không đúng. Tại nội dung kết luận của cơ quan giám định Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an thể hiện chữ viết, chữ ký, dấu vân tay trên giấy vay tiền ngày 14/10/2017 và giấy vay tiền ngày 11/11/2017 là của bà Trương Mỹ L. Ngoài ra, bà L không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình và ông D xác định không còn giấy vay nợ nào khác được lập giữa ông và bà L. Do đó, yêu cầu của ông D buộc bà L trả số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, việc hai bên xác lập giao dịch vay tiền tại nội dung giấy vay không có thỏa thuận lãi. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay phía ông D và bà L đều thừa nhận có giao nhận tiền lãi với lãi suất là 4%/tháng/600.000.000 đồng và 5%/tháng/300.000.000 đồng. Đại diện bà L trình bày đã trả tiền lãi từ tháng 6/2017 đến ngày 10/02/2018 là 231.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà L không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, việc ông D trình bày đã nhận tiền lãi từ ngày 14/10/2017 đến ngày 10/02/2018 với số tiền là 112.000.000 đồng được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 05/3/2018 ông D đã có văn bản thông báo yêu cầu bà L thanh toán nợ trong thời hạn 30 ngày nhưng phía bà L xác định không nhận được thông báo này và ông D cũng không chứng minh được việc bà L đã nhận được thông báo đòi nợ. Ngày 19/6/2018 Tòa án có lập biên bản làm việc và biên bản hòa giải đối với bà L, điều này thể hiện bà L đã biết việc ông D đòi nợ. Từ ngày 19/6/2018 đến ngày 01/8/2018 là 43 ngày, đây cũng được xem là “thời gian hợp lý” phù hợp theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, thời hạn thanh toán được xác định là ngày 01/8/2018 là phù hợp.

[6] Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 5, Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì yêu cầu của ông D về trả tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn từ ngày cho vay đến ngày phải trả là ngày 31/7/2018, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Tòa án tính lãi trong hạn, lãi quá hạn và xác định các mốc thời gian đều chính xác.

[7] Xét, ông D yêu cầu thanh toán một lần số nợ gốc và lãi trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà L không đồng ý và xin trả dần trong thời hạn 02 năm.

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào nội dung thỏa thuận của giấy vay tiền khi nào ông D có nhu cầu lấy lại tiền thì báo cho bà L biết. Tuy nhiên phía bà L nhận được thông báo thu hồi nợ nhưng vẫn chưa thanh toán cho ông D. Nay bà L xin trả dần là kéo dài thời gian thanh toán, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D, do đó yêu cầu của ông D buộc bà L phải trả một lần số tiền nợ là có cơ sở để chấp nhận, không chấp nhận yêu cầu xin trả nợ dần trong thời hạn 02 năm của bà L.

Xét, lời trình bày của người làm chứng là ông Nguyễn Thanh T có ý kiến phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét, lời trình bày của người làm chứng là bà Trương Mỹ P có ý kiến giống bà L, Hội đồng xét xử xét thấy do lời làm chứng bà Phụng trình bày không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không xem xét.

[8] Về chi phí tố tụng: Bà Trương Mỹ L tự nguyện chịu chi phí giám định nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đúng quy định của pháp luật.

[9] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp pháp luật và có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Bởi các lẽ trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng và nội dung trong việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 289/2019/DS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà Trương Mỹ L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Mỹ L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 289/2019/DS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bành Năng D.

Buộc bà Trương Mỹ L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Bành Năng D số tiền: 1.224.770.000 (*một tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi nghìn*) đồng (trong đó tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng (*chín trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 324.770.000 đồng (*ba trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*)).

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Mỹ L phải chịu án phí là 48.743.100 đồng (*bốn mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn một trăm đồng*).

Hoàn lại cho ông D số tiền 19.500.000 đồng (*mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0014738 ngày 23/5/2018 và số tiền 3.702.000 đồng (*ba triệu bảy trăm lẻ hai nghìn*) theo biên lai thu số 0019399 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Mỹ L phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012331 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận T, TP.HCM;
- Chi cục THA DS Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Mai Xuân**